

TS. PHẠM HỒNG QUANG

**TỔ CHỨC DẠY HỌC CHO
HỌC SINH DÂN TỘC, MIỀN NÚI**

Tailieu.vn

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LỜI GIỚI THIỆU

Nâng cao chất lượng giáo dục là một nhiệm vụ quan trọng của ngành Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt hơn nữa là phải đẩy nhanh chất lượng giáo dục miền núi nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực để phát triển kinh tế - văn hoá ở khu vực chiến lược này. Tuy nhiên thực trạng giáo dục miền núi có nhiều bất cập, khó khăn do tính đặc thù cần được tháo gỡ. Phục vụ cho mục đích trên, TS. Phạm Hồng Quang - Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên biên soạn tài liệu "Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc, miền núi" phục vụ cho đối tượng bạn đọc là sinh viên các trường sư phạm, giáo viên đang giảng dạy ở các trường miền núi.

Tác giả đã phân tích khá sâu sắc đặc điểm tâm lý của học sinh miền núi, những nét đặc thù về lịch sử, địa lý, kinh tế, truyền thống văn hoá, giáo dục miền núi, từ đó để trình bày phương pháp và các hình thức tổ chức học tập phù hợp với học sinh các dân tộc miền núi và điều kiện dạy học ở miền núi. Đây là một tài liệu quý được tác giả nghiên cứu nghiêm túc, đưa ra nhiều ý kiến thiết thực cho những ai quan tâm đến chất lượng dạy học và giáo dục đối với học sinh các dân tộc miền núi. Nội dung cuốn sách thể hiện sự am hiểu sâu sắc của tác giả về lý luận dạy học và thực tiễn giáo dục miền núi, cũng như những yêu cầu cấp thiết của sự phát triển kinh tế văn hoá miền núi đối với sự nghiệp giáo dục miền núi hiện nay.

Cuốn sách dày 138 trang với văn phong chân thực, sinh động, có những chỉ dẫn cụ thể, dễ hiểu, dễ vận dụng đối với

độc giả đang học tập và công tác ở những vùng đặc biệt khó khăn này của đất nước.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tài liệu quý này.

PGS. TS. Phạm Viết Vượng
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Sư phạm
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tailieu.vn

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU.....	2
Chương 1. ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ HỌC SINH DÂN TỘC.....	8
1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên - xã hội - văn hoá ở miền núi phía Bắc.....	10
2. Đặc điểm tâm lý của học sinh dân tộc trong quá trình học tập.....	24
3. Đặc điểm nhu cầu của học sinh dân tộc.....	31
4. Đặc điểm giao tiếp của học sinh dân tộc.....	37
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	43
BÀI TẬP.....	43
Chương 2. TỔ CHỨC DẠY HỌC CHO HỌC SINH DÂN TỘC, MIỀN NÚI.....	44
1. Khái niệm học tập.....	45
2. Tổ chức dạy học.....	49
3. Các biện pháp tổ chức dạy học cho học sinh.....	60
4. Một số biện pháp cụ thể trong việc tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc, miền núi.....	69
5. Vấn đề tối ưu hoá dạy học.....	71
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	75
BÀI TẬP.....	75
Chương 3. HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC, MIỀN NÚI.....	77
1. Khái niệm tự học.....	77
2. Nội dung và yêu cầu của tự học.....	89
3. Các hình thức tổ chức tự học ở trường phổ thông miền núi.....	95
4. Hình thành kỹ năng tự tổ chức học tập cho học sinh.....	99
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	110
BÀI TẬP.....	110
Chương 4. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC TỰ HỌC CHO HỌC SINH DÂN TỘC, MIỀN NÚI NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.....	112
1. Hình thành và phát triển vững chắc kỹ năng tự học cho học sinh dân tộc miền núi.....	114
2. Xây dựng hệ thống bài tập nhằm nâng cao chất lượng tự học cho học sinh dân tộc, miền núi.....	125

3. Cải tiến cách thức kiểm tra và đánh giá hoạt động tự học của học sinh	131
4. Các điều kiện để có thể tổ chức tự học tốt cho học sinh dân tộc miền núi.....	137
CÂU HỎI ÔN TẬP	141
BÀI TẬP	141
TÀI LIỆU THAM KHẢO	142

Tailieu.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Lí luận dạy học là hệ thống lí luận về hoạt động dạy và học được tiến hành trong sự thống nhất biện chứng. Từ những nội dung cơ bản của lí luận dạy học, chúng ta có lí luận dạy học phổ thông, lí luận dạy học đại học... Tiếp cận đối tượng học tập, cần thiết phải có các hình thức tổ chức dạy học và học tập phù hợp với đặc điểm của đối tượng. Không có chuẩn riêng về dạy học cho học sinh miền núi, chỉ có sự dạy học thích hợp với từng đối tượng và người học thấy được ý nghĩa của việc học.

Thực tiễn dạy học miền núi đang đòi hỏi phải có cách tổ chức dạy học riêng, thích hợp. Người giáo viên miền núi cũng đang phải đối mặt với thực tế dạy học ~ còn tồn tại mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao chất lượng với thực tiễn, điều kiện học tập ở miền núi còn nhiều hạn chế.

Mục đích của tài liệu này nhằm cung cấp cho các giáo sinh sư phạm, các giáo viên đang dạy học ở miền núi tham khảo hệ thống tri thức về lí luận dạy học với các hình thức tổ chức dạy học theo hướng hoạt động hoá người học, trong đó hình thức tự học được đề cao. Nội dung giáo trình này được trình bày trong 4 chương: *Chương 1* : Đặc điểm tâm lý học sinh dân tộc; *Chương 2*: Hình thức tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc, miền núi; *Chương 3*: Hoạt động tự học ở trường phổ thông dân tộc miền núi; *Chương 4*: Phương hướng và biện pháp tổ chức tự học cho học sinh dân tộc, miền núi nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi để hệ thống hoá từ nguồn tài liệu của các tác giả đi trước, đồng thời cố gắng trình bày những nội dung có ý nghĩa thực tiễn đối với các

giáo sinh sư phạm sẽ dạy học ở miền núi và đối với các giáo viên đang dạy ở trung học phổ thông.

Trong quá trình hoàn thiện giáo trình này, tác giả mong nhận được sự góp ý của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Thái Nguyên, 10-2002

Tác giả

Tailieu.vn

Chương 1

ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ HỌC SINH DÂN TỘC

Mục tiêu của chương

Nhằm cung cấp cho các giáo sinh sư phạm, các giáo viên trung học phổ thông:

** Hệ thống tri thức về tâm lý học sinh dân tộc với những đặc điểm cơ bản về nhận thức, nhu cầu, giao tiếp trong điều kiện nhất định.*

** Phát triển kỹ năng vận dụng những tri thức tâm lý học vào hoạt động dạy học có hiệu quả ở miền núi.*

** Định hướng thái độ đúng đắn cho người học về quan điểm dạy học, đánh giá học sinh dân tộc miền núi theo quan điểm phát triển, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng đoàn kết giữa các dân tộc.*

Chúng ta đều biết rằng: đặc trưng tâm lý dân tộc là một hình thái đặc biệt của tâm lý xã hội và có tính bền vững. Theo X M. Aruchiunhian: *đặc trưng tâm lý dân tộc là những sắc thái dân tộc độc đáo của tình cảm và xúc cảm, là cách nghĩ và hành động, là những nét tâm lý bền vững của thói quen, là truyền thống được hình thành dưới ảnh hưởng những điều kiện của đời sống vật chất, những đặc điểm của con đường phát triển lịch sử của một dân tộc nhất định và được biểu hiện trong đặc trưng văn hoá và sinh hoạt của dân tộc đó.* Theo tác giả, trong đặc điểm tâm lý dân tộc nên chia làm hai mặt, mặt tương đối *bền vững* được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, được *phong phú thêm* trong mỗi

giai đoạn lịch sử mới và mặt thứ hai tương đối “động” hơn.

Tìm hiểu những kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước đã khiến chúng ta nhận ra một quy luật quan trọng rằng: cấu trúc tâm lý biểu hiện trọng cộng đồng văn hoá là một đặc trưng quan trọng để hình thành dân tộc. Tiến trình phát triển một cộng đồng người được hình thành trong quá trình lịch sử đã hình thành nên những đặc điểm văn hoá tương đối ổn định..và một số đặc điểm tâm lý tương ứng. Điều này có nghĩa là *mỗi dân tộc có một đặc điểm tâm lý riêng, mang tính chất xã hội - lịch sử*. Do đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng của dạy học và giáo dục hiện nay là làm phong phú thêm, phát triển những giá trị, sắc thái riêng tốt đẹp của các dân tộc để lưu giữ, để bảo tồn và phát triển, mặt khác cũng cần khắc phục những hạn chế, nhằm phát triển toàn diện con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm tâm lý học sinh dân tộc là một nhiệm vụ quan trọng của công tác giáo dục, dạy học ở miền núi. Tuy nhiên, đây cũng là một công việc khó khăn đòi hỏi phải có quá trình nghiên cứu công phu với các cách nghiên cứu đặc trưng. Những năm qua, đã có nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu và đem lại những kết quả đáng trân trọng. Một trong những nguyên tắc cơ bản đã được thống nhất trong các công trình nghiên cứu về vấn đề này là: tìm hiểu cái đặc thù trong cái phổ biến, cái riêng trong quan hệ với cái chung; quan điểm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc, đồng thời đảm bảo nguyên tắc cơ bản của phép biện chứng duy vật khi nghiên cứu và lý giải hiện tượng tâm lý người.

Như vậy, từ những kết quả nghiên cứu đúng đắn về

những đặc điểm tâm lí cơ bản của đối tượng sẽ xây dựng và thực hiện các định hướng tổ chức học tập hợp lí, có hiệu quả trong dạy và học ở miền núi. Đây cũng là vấn đề cơ bản của lí luận dạy học khi triển khai áp dụng trên các đối tượng cụ thể. Do đó, trong chương này sẽ đề cập đến các nội dung sau: một số đặc điểm về điều kiện tự nhiên - xã hội - văn hoá; đặc điểm giáo dục ở miền núi phía Bắc Việt Nam; đặc điểm quá trình nhận thức, đặc điểm nhu cầu, đặc điểm giao tiếp của học sinh dân tộc để làm cơ sở cho việc thực hiện các biện pháp tổ chức học tập có hiệu quả.

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên - xã hội - văn hoá ở miền núi phía Bắc

Miền núi phía Bắc nước ta gồm các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kim, Bắc Giang, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Thái Nguyên, Hoà Bình, ... chưa kể một số huyện, xã miền núi ở các tỉnh Hải Dương, Hà Tây, Ninh Bình. Đây là nơi cư trú của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số (Tày, Nùng, Cao Lan...) hoặc sống xen kẽ với người Kinh hoặc cư trú biệt lập theo vùng như: H'mông, Mường, Thái, Giáy, Hà Nhì... Phần lớn khu vực miền núi phía Bắc nước ta, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu ở vùng núi cao, trung du, khí hậu khắc nghiệt, giao thông chưa phát triển. Nền kinh tế thị trường tuy đã khởi sắc ít nhiều ở miền núi song mới chỉ tập trung ở những vùng đất màu mỡ, các thị trấn, thị xã, ven đường quốc lộ. ... kinh tế miền núi chủ yếu vẫn mang tính chất *tự cung tự cấp*, quảng canh trên nương rẫy, thu nhập thấp, nạn đói vẫn là nỗi lo của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày nay, cuộc sống du canh du cư tuy đã được dần dần xoá bỏ, sự chuyển dịch cơ

cầu đang có ý nghĩa tích cực đối với đời sống nhân dân miền núi, song chất lượng cuộc sống của nhiều dân tộc thiểu số vẫn còn ở mức rất thấp. Nhiều dân tộc như H'mông, Dao... cư trú ở vùng cao khắc nghiệt khô cằn với thói quen đốt nương làm rẫy, chọc lỗ tra hạt vẫn còn phổ biến. Chỉ tính riêng vấn đề thời gian lao động đã chiếm phần lớn trong đời sống của họ: *"Từ tháng 2 đến tháng 10 là làm nương, canh tác, chăn nuôi, thời gian còn lại là lễ hội, ma chay, cưới xin... trẻ em 13 tuổi đã là lao động chính trong gia đình (thời gian từ 10 giờ/ngày), nạn thiêu đốt từ 1 đến 6 tháng vẫn còn phổ biến..."*¹.

Cuộc sống gắn bó với thiên nhiên, với lao động thủ công là chủ yếu làm nảy sinh tư duy cụ thể, cho nên *một số dân tộc chưa có nhu cầu, truyền thống học khoa học, kỹ thuật. Tâm lý không có lúa ngô thì đói, không có cái chữ thì đã chết ai đâu*" vẫn tồn tại, ảnh hưởng xấu đến công tác giáo dục ở miền núi hiện nay. Trong chiến lược phát triển giáo dục ở các vùng núi khó khăn đã cho thấy: hình thức vận động để trẻ em đến trường và duy trì sĩ số học sinh là một nhiệm vụ và chỉ tiêu quan trọng phải phân đấu, đã nói lên mức độ khó khăn của công tác giáo dục miền núi. Trong điều kiện ấy, ở nhiều nơi, yếu tố chất lượng dạy học còn được xem xét từ một phương diện khác là đánh giá mức độ tích cực và nhiệt tình của giáo viên là đủ.

ở phương diện lịch sử - xã hội, trong quá trình phát triển

1. Phạm Hồng Quang - *Về điều kiện môi trường của học sinh H'Mông trong quá trình học tiếng Việt*. Tạp chí NCGD, 1992. tr.32

cách mạng, miền núi Bắc Việt Nam là nơi chứng kiến những chiến thắng: vĩ đại như chiến thắng Biên giới, Sông Lô, Điện Biên Phủ... Chiến khu *Việt Bắc* là căn cứ địa cách mạng, cơ quan đầu não của Đảng. Trong hơn 30 năm, trải qua các cuộc kháng chiến, nơi này đã có vai trò quyết định đến thắng lợi của của cách mạng Việt Nam. Nhờ vào sự che chở, đùm bọc, cố gắng

hiên sức người sức của của các dân tộc anh em, cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi hoàn toàn. Sau 1954, cùng với cả nước, miền núi phía Bắc Việt Nam cùng miền xuôi là hậu phương lớn cho miền Nam. Miền núi phía Bắc Việt Nam là cửa ngõ giao tế với Liên Xô, Trung Quốc, là nơi hậu thuẫn cho các cơ quan, nhà máy, trường học sơ tán suốt cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Cho đến nay, về phương diện tâm lý - xã hội, các dân tộc anh em đã kết tụ được nhiều giá trị quý báu. Có thể kể đến các phẩm chất: *yêu nước nồng nàn; đoàn kết yêu thương đùm bọc nhau; trung thực, dũng cảm; có niềm tin sắt đá* với những tên gọi đậm đà chất "miền núi" rất đỗi thân thương đã in đậm vào tâm trí nhiều thế hệ, như *Việt Bắc, Tây Bắc, Trung du, Chiến khu...*, những hình ảnh ấy đã được khắc họa sâu đậm và trở thành hình tượng tiêu biểu cho văn học nghệ thuật giai đoạn kháng chiến, phản ánh những giá trị tinh thần quý báu của đồng bào các dân tộc dành cho cách mạng: *"Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng"* (Tố Hữu).

Những giá trị này được biểu hiện trong lối sống văn hoá, trong giao lưu, trong đời sống tinh thần của các dân tộc và điều quan trọng là nó đã trở thành *tự nhiên, như sự vốn có, đã in đậm vào lối sống, đời sống tình cảm và được xem như là cốt cách của các dân tộc miền núi, là giá trị vĩnh cửu của*

cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Mỗi dân tộc, mỗi vùng đều gắn với điều kiện tự nhiên và có đặc trưng sản xuất riêng. Người Kinh cư trú chủ yếu ở đồng bằng, vùng núi thấp, gắn với nền sản xuất lúa nước. Người Tày, Nùng, Thái cư trú chủ yếu vùng núi trung du, ven đường cái quan hoặc quần cư theo cụm làng - xã. Mặc dầu xen kẽ trong vùng núi trung du vẫn có chuyên canh lúa nước, song phương thức trồng lúa nước của đồng bào cũng khác người Kinh. Người Cao Lan, Sán Chỉ, Mường cũng cư trú rải rác khắp vùng Đông

Bắc và Tây Bắc sống xen kẽ ở vùng núi - trung du - đồng bằng.

Người Dao, người H' Mông, Lô Lô sống chủ yếu ở vùng núi cao với phương thức quảng canh trên nương rẫy là chủ yếu. Mặc dầu với các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, chương trình 135 của Chính phủ, chương trình dành cho các xã đặc biệt khó khăn, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam đã có tăng lên, song nhìn chung năng suất lao động còn thấp. Do lối suy nghĩ, cách sống và sản xuất gắn bó mật thiết với tự nhiên, với thiên nhiên phần nào ảnh hưởng đến phương thức canh tác của đồng bào chủ yếu là lao động giản đơn, công cụ lao động lạc hậu. Hiện tại, ở nhiều vùng sâu khó khăn, dân trí chưa được nâng cao, tỷ lệ mù chữ và tái mù chữ còn cao, trẻ em thất học còn nhiều ở miền núi... đã và đang là một trong các vấn đề bức xúc của giáo dục miền núi hiện nay. Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số đã được hình thành lâu đời, trở thành cách nghĩ, nếp sống, thói quen sinh hoạt ổn định. Đồng bào các dân tộc thiểu số có rất nhiều truyền thống tốt đẹp như: *truyền thống đấu*

tranh cách mạng, đoàn, kết, lòng thương người, tinh thần cần cù, dũng cảm, đức tính trung thực, chất phác, thật thà. . Đặc biệt, *tinh thần quý trọng người đem "cái chữ",* ánh sáng văn minh đến cho mình, *sống tình nghĩa, quý sự chân thành, tuân thủ người đứng đầu. ..* là những giá trị quý báu đang tồn tại vững chắc trong tâm lý đồng bào miền núi. Tuy nhiên, còn một số phong tục tập quán lạc hậu - có nơi trở thành luật tục do quá suy tôn sùng bái, đã trở thành yếu tố cản trở cho sự phát triển kinh tế - văn hoá ở miền núi, như: *tục tảo hôn, tục ma chay cưới xin tốn kém, các lễ nghi cúng bái quanh năm, tục nói dây. ..* Những tập tục này nhiều khi có sức cuốn hút lớn đối với con người miền núi, nhiều khi trở thành *nhu cầu tinh thần*, một nét điển hình trong nếp sống văn hoá khó thay đổi. Đây cũng là một đặc điểm cần chú ý khi tiếp cận nghiên cứu các vấn đề về tâm lý học dân tộc. Người miền núi, trong quan hệ gia đình, dòng tộc có sự ràng buộc gắn bó, do vậy, học sinh đi học xa, họ sợ mất gốc". Điều này có thể lý giải cho hiện tượng: học sinh miền núi từ các trường phổ thông dân tộc nội trú, từ các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp *bỏ học* trở về quê lấy vợ, lấy chồng, hoặc đi làm... một cách tự nhiên.

Hơn mười năm trở lại đây, do sự tác động của kinh tế thị trường, bên cạnh mặt tích cực là nâng lên một bước chất lượng cuộc sống cho các dân tộc thiểu số và đây là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế, văn hoá cho miền núi, song cũng nảy sinh nhiều tác động tiêu cực. Việc mở cửa biên giới, cùng với sự xuất hiện các tệ nạn xã hội như: buôn lậu, ma túy, bạo lực đang làm cho đời sống tinh thần ở một số nơi biến dạng. Từ bình diện tâm lý - xã hội, dễ nhận thấy: học sinh, thanh niên miền núi đã có sự *biến chuyển tích cực*

trong nhận thức, trong lối sống dưới tác động của môi trường, điều kiện mới do ảnh hưởng của kinh tế thị trường, ảnh hưởng của hệ thống các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú... Tuy nhiên, sự tiếp nhận này có phân hoá theo chiều hướng đối ngược nhau: một bộ phận thanh niên miền núi hấp thụ nhanh chóng nền văn minh của giáo dục, của môi trường, điều kiện mới, đã tạo ra sinh. khí mới tốt đẹp trong lối sống, tự lực tự cường, phát triển truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Một bộ phận khác, tập trung ở lứa tuổi thanh niên do "hẫng hụt" và "choáng ngợp" trước sự đổi thay, tiếp thu không chọn lọc lối sống thực dụng, đua đòi, ham vật chất trong khi còn những hạn chế cố hữu của cộng đồng đã ngấm sâu khó xoá bỏ của họ. Nét tâm lý này tuy không đặc trưng, song gây trở ngại cho công tác giáo dục hiện nay ở miền núi, vấn đề này cũng cần lưu ý trong công tác giáo dục học sinh dân tộc miền núi hiện nay.

Một nét điển hình về văn hoá - xã hội miền núi là quan hệ dân tộc (quan hệ tộc người). Theo các nhà dân tộc học¹, ở miền Bắc Việt Nam, trong quan hệ dân tộc có thể xét đến những mối quan hệ cơ bản như sau (những quan hệ này ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân và- tác động đến đặc trưng văn hoá, tâm lý của cá nhân).

Quan hệ dân tộc về phương diện ngôn ngữ

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng của các dân tộc trên thế giới. Việc lựa chọn ngôn ngữ nào làm công cụ giao

1. Lê Sĩ Giáo - *Quan hệ dân tộc ở miền Bắc Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, 2/1996. tr.27-34.

tiếp chung đều có những cơ sở thực tiễn của nó. Vùng Đông Bắc, tiếng Tây - Nùng được coi là ngôn ngữ khu vực, với Tây Bắc, vị trí đó là tiếng Thái. ở các địa bàn còn lại của miền Bắc Việt Nam, tiếng Việt đã trở thành ngôn ngữ chung được lựa chọn của các dân tộc, bao trùm lên các khu vực trên địa bàn cả nước và con đường ảnh hưởng của nó từ vùng đô thị đến vùng phụ cận, các làng bản, dựa trên các quan hệ kinh tế - xã hội của cộng đồng và cá nhân. Từ thực tiễn này, theo quan điểm của tác giả Lê Sỹ Giáo: *Phải coi việc giáo dục ngôn ngữ phổ thông là điều kiện bắt buộc cho các cấp tiểu học, không loại trừ một vùng nào, vì đây là công cụ giao tiếp cho cả 54 tộc người sinh sống trên lãnh thổ của đất nước*, chúng ta cần coi đây là một quan điểm hết sức quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ phổ thông cho học sinh dân tộc trong chiến lược giáo dục.

- *Quan hệ dân tộc trên các lĩnh vực sinh hoạt - văn hoá*

Đây là một trong ba tiêu chí để xác định tộc người: ngôn ngữ chung; các đặc trưng sinh hoạt - văn hoá; ý thức tự giác tộc người. Do cư trú xen kẽ, có sự giao lưu văn hoá từ lâu nên văn hoá Kinh (kể cả yếu tố ngoại Kinh) bị "kinh hoá", đã khuếch tán ảnh hưởng của nó đến đời sống của hầu hết các cư dân trên lãnh thổ Việt Nam. Nếp sinh hoạt văn hoá ở Đông Bắc có tính chất khác với vùng Tây Bắc, song có những giá trị tinh thần, đạo đức đã trở thành hằng số văn hoá như lòng chung thủy, đức thương người tính vị tha, kính già, yêu trẻ... các giá trị này được thể hiện ở các tộc người theo đặc thù và sắc thái riêng của nó.

- *Quan hệ dân tộc dựa trên lãnh thổ*

Các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta có kết cấu thành phần tộc người phong phú (cao nhất ở Lai Châu 27 dân tộc, Sơn La 12 dân tộc. ..). Do cư trú xen kẽ giữa các cư dân làm nảy sinh hai khuynh hướng đối lập: đoàn kết, đùm bọc, che chở và hiềm khích, xung đột, xích mích. Trong quan hệ nội bộ tộc người có những điểm sau cần chú ý: trường tộc (người H'mông); yếu tố dòng họ (người Tày, Mường, Thái...). Quan hệ tộc người hiện nay trong nhiều trường hợp còn đồng nghĩa với quan hệ công dân, nảy sinh những quan hệ tốt đẹp. Ví dụ như quan hệ giữa nhân dân với đồn biên phòng, với các cơ quan Nhà nước. ...

- *Hiện trạng giáo dục ở miền núi phía Bắc và phương hướng giải quyết*

Về tình hình giáo dục Việt Nam hiện nay, theo Quyết định số 201/2001/QĐ - TTg ngày 28-12-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "*Chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010*", trong đó đã nêu lên những yếu kém của giáo dục nước ta:.. *yếu về chất lượng, mất cân đối về cơ cấu, hiệu quả giáo dục chưa cao, giáo dục chưa gắn bó chặt chẽ với thực tiễn, đào tạo chưa gắn với sử dụng, đội ngũ giáo viên còn yếu, cơ sở vật chất còn thiếu; chương trình giáo trình, phương pháp giáo dục và công tác quản lý chậm đổi mới,....* Giáo dục miền núi cũng nằm trong tình trạng trên đây. Có thể kể đến những đặc điểm nổi bật sau đây:..

- *Nạn mù chữ* chưa giảm, nhiều dân tộc thiểu số có tỷ lệ mù chữ quá cao như: người H'mông, Lô Lô, Dao... Trong tổng số người mù chữ ở độ tuổi 15 - 35 là 2 triệu người thì miền núi phía Bắc chiếm tỉ lệ 47 % (1995). Nhiều tỉnh còn tỷ lệ người mù chữ ở độ tuổi trên là khá cao như: Hà Giang,

Lai Châu... Mặt bằng dân trí còn thấp, chưa đủ tiềm lực trí tuệ để tăng trưởng kinh tế xã hội. Mặc dầu nhiều tỉnh' đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ, song để giữ vững được thành quả của công tác này là một nhiệm vụ khó khăn.

Trình độ văn hoá của đội ngũ cán bộ quản lý rất thấp, thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, phân bố trình độ lại không đều giữa các dân tộc, cơ cấu các ngành mất cân đối. *Nhiều dân tộc chưa có người đạt trình độ đại học*, nhiều ngành kinh tế - xã hội ở miền núi không có cán bộ nòng cốt. Nhiều huyện ở miền núi cao hàng năm không có học sinh thi đỗ đại học qua kì thi tuyển quốc gia.

Hiện trạng học sinh lưu *ban bỏ học* vẫn còn nhiều, *chất lượng học tập* của học sinh miền núi thấp kém, tỷ lệ đạt trung bình, yếu kém còn cao, động cơ, mục đích học tập giảm sút.

- Đồng thời, *nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, cách đánh giá và điều kiện tổ chức trường lớp* còn nhiều bất cập và khó khăn. Hiện tượng đập khuôn máy móc trong công tác giáo dục, hoặc nặng về "*mềm hoá*", "*ưu tiên*" từ đầu vào đến đầu ra càng làm cho giáo dục miền núi thêm khó khăn. Quan điểm chung của chúng ta là tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập để đảm bảo chuẩn chung về trình độ đào tạo. Sự ưu tiên của nhà nước cho giáo dục miền núi là tập trung ưu tiên về điều kiện cho giáo dục, cho học tập; việc ưu tiên bằng việc hạ thấp điểm chuẩn đầu vào; việc hạ thấp yêu cầu không phải là có căn cứ khoa học.

Theo tác giả Nông Thị Quyên¹ giáo dục miền núi còn nổi cộm các vấn đề sau: cơ sở vật chất nghèo nàn và xuống cấp nghiêm trọng, nhiều nơi còn đến 80 - 90% lớp học tranh tre nứa lá không có thư viện, xưởng trường, bàn ghế... chất lượng giảng dạy còn thấp, thiếu nhiều giáo viên địa phương, hiện chỉ chiếm từ 8,6 - 50,9% là người dân tộc (số liệu 1995); tỷ lệ giáo viên chưa chuẩn hoá khá cao. Nội dung, chương trình giảng dạy cho học sinh dân tộc còn nặng, ít bổ sung kiến thức địa phương mang tính đặc thù miền núi, dân tộc.

Đặc biệt là theo *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*, quá trình thực hiện mục tiêu phổ cập Trung học cơ sở vào năm 2005, năm 2010 còn nhiều khó khăn ở miền núi. Tuy nhiên, bộ mặt của giáo dục miền núi đã có nhiều khởi sắc: hệ thống trường sư phạm, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú đã được nhà nước đầu tư lớn, cơ sở vật chất khang trang, đội ngũ giáo viên ở nhiều vùng đã tương đối đạt chuẩn, nhiều tỉnh khó khăn như Tuyên Quang, Hà Giang đã có sự đột phá mạnh mẽ về vấn đề nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

Như vậy, *sự phát triển- chênh lệch* giữa các dân tộc về mặt kinh tế, văn hoá, giáo dục là đặc điểm cơ bản ở miền núi. Sau gần 5 thập kỷ đấu tranh cho sự bình đẳng dân tộc, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu lớn song còn không ít khó khăn. Theo cách phân loại phân vùng văn hoá của GS Trần Quốc Vượng, trong lãnh thổ Việt Nam hiện tại được

¹. Dẫn theo "Vài nét về thực trạng giáo dục ở một số' cộng đồng DTTS" Tạp chí *Phát triển giáo dục*, 5/1995. Tr.18 - 14.

phân thành 6

vùng: *Vùng văn hoá Tây Bắc; Việt Bắc; Bắc Bộ; Trung Bộ; Tây Nguyên; Nam Bộ*. ở mỗi vùng có những tộc người tiêu biểu, có biểu tượng văn hoá riêng, có các loại hình nghệ thuật tiêu biểu, ngôn ngữ riêng, và đặc biệt là vai trò trong lịch sử phát triển văn hoá dân tộc cũng khác nhau.

Từ khía cạnh giáo dục học, vấn đề chúng ta quan tâm đến là: liệu mỗi dân tộc ít người ở miền núi phía Bắc Việt Nam có còn giữ được bản sắc văn hoá của dân tộc mình hay không? Sự mạng của giáo dục như thế nào trước vấn đề trọng đại này, bởi không giữ được bản sắc văn hoá dân tộc thì sẽ không còn Tổ quốc. Nếu còn lưu giữ được bản sắc văn hoá thì những nội dung nào cần phát triển, yếu tố nào cần đưa vào giáo dục cho thế hệ trẻ.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở miền núi, bên cạnh những thuận lợi và kết quả tốt đẹp xuất hiện những mâu thuẫn và khó khăn. Ví dụ: giữa sự phát triển và ảnh hưởng mạnh của kinh tế thị trường có tính chất đòi hỏi nhanh, lợi ích rõ ràng, mâu thuẫn với sự chậm chạp trong phát triển kinh tế xã hội ở miền núi. Đặc biệt là tác động mạnh và hết sức năng động của nền văn hoá đa dạng (do kinh tế thị trường đem lại; do hội nhập, do giao lưu) đã mâu thuẫn với tính chất ổn định tương đối về văn hoá - xã hội miền núi. Điều này đã làm thay đổi xã hội theo hướng tích cực, đồng thời xuất hiện các tệ nạn xã hội, xuất hiện những tiêu cực ảnh hưởng xấu đến văn hoá, giáo dục miền núi.

Sự di chuyển dân số của con người từ vùng chậm phát triển đến vùng phát triển cùng với lối sống ở hai vùng đã làm tăng cơ hội giao lưu song cũng xuất hiện những vấn đề